

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG**  
**TỔ TIN HỌC**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA TIN HỌC 12**  
**CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026**

**I. Nội dung**

**1. Sử dụng CSS trong tạo trang web**

- Hiểu và sử dụng được một số thuộc tính cơ bản của CSS: màu sắc, phông chữ, nền, đường viền, kích cỡ,...
- Sử dụng được các yếu tố của vùng chọn (selector) như class, id, tag,...
- Sử dụng được CSS làm trang web đẹp, đa dạng và sinh động hơn.

**2. Ứng dụng Tin học**

Thực hành sử dụng phần mềm tạo trang web bằng Google Sites.

**II. Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Mục tiêu chính của CSS trong xây dựng trang web là gì?

- A. Định hình nội dung và cấu trúc trang web.
- B. Tạo hiệu ứng hoạt hình và chuyển cảnh.
- C. Trình bày bố cục và hình thức của các phần tử HTML.
- D. Tăng tốc độ tải trang.

**Câu 2.** Cách nào là cách tốt nhất để tái sử dụng mã CSS trên nhiều trang web?

- A. Chèn trực tiếp mã CSS vào mỗi thẻ HTML
- B. Sử dụng thẻ <style> trong phần <head> của từng trang
- C. Tạo tệp CSS riêng biệt và liên kết bằng thẻ <link>
- D. Viết mã CSS trực tiếp vào nội dung trang

**Câu 3.** Thuộc tính nào được dùng để định kiểu khoảng cách bên trong viền của một phần tử HTML?

- A. padding.      B. border.      C. margin.      D. spacing.

**Câu 4.** Để căn chỉnh văn bản theo phương dọc trong một phần tử HTML khác, ta dùng thuộc tính nào?

- A. text-align.      B. vertical-align.      C. align-items.      D. justify-items.

**Câu 5.** Vùng chọn trong CSS là:

- A. khuôn mẫu để chỉ định phần tử HTML cụ thể được định kiểu.
- B. khuôn dạng cho các phần tử HTML các thuộc tính CSS.
- C. tập tin riêng biệt chứa mã CSS để định dạng các phần tử HTML.
- D. một phương pháp kiểm tra tính hợp lệ của CSS.

**Câu 6.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để định dạng cho các phần tử HTML cùng loại, thì cần phải sử dụng loại vùng chọn nào?

- A. Tên lớp.      B. Tên phần tử.      C. ID của phần tử.      D. Mối quan hệ phần tử.

**Câu 7.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để định kiểu cho dấu đầu dòng trong danh sách bằng hình ảnh, thì phải sử dụng thuộc tính nào?

- A. list-style-type.      B. list-style-position.      C. list-style-image.      D. list-style.

**Câu 8.** Để định kiểu cho số hoặc dấu đầu các mục trong danh sách bằng các kiểu có sẵn của CSS, thì phải sử dụng thuộc tính nào?

- A. list-style-position.      B. list-style-image.      C. list-style-type.      D. list-style.

**Câu 9.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để định kiểu màu nền xen kẽ cho các hàng trong bảng, cần định dạng bằng lớp giả nào?

- A. border-collapse(even).      B. nth-child (odd).
- C. border-color (even).      D. background-color (odd)

**Câu 10.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để định kiểu đường viền đơn cho bảng, thuộc tính CSS nào cần sử dụng?

A. border-style. B. border-color. C. border-collapse. D. border-width.

**Câu 11.** CSS giúp đảm bảo tính nhất quán về hình thức của các trang web như thế nào?

- A. Bằng cách sử dụng cùng một tập lệnh cho tất cả các trang.
- B. Bằng cách áp dụng cùng một kiểu cho các phần tử tương tự trên nhiều trang.
- C. Bằng cách yêu cầu mọi người dùng cùng một trình duyệt.
- D. Bằng cách tự động cập nhật nội dung.

**Câu 12.** Tại sao việc sử dụng CSS có lợi hơn việc định dạng HTML trực tiếp?

- A. CSS không cần phải viết mã.
- B. CSS giúp tách nội dung và định dạng, giảm công việc và tăng tính đồng nhất.
- C. CSS làm cho trang web không cần thiết phải định dạng.
- D. CSS không hỗ trợ đa dạng kiểu định dạng.

**Câu 13.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để tạo hiệu ứng đổi màu nền của ô thành màu xanh (#ceeaff) khi người dùng di chuyển chuột trên bảng, bảng này thuộc lớp my-table, cách khai báo nào sau đây là chính xác.

- A. `.my-table td:hover { background-color: #ceeaff;}`
- B. `.my-table td:active { background-color: #ceeaff;}`
- C. `.my-table td:focus { background-color: #ceeaff;}`
- D. `.my-table td:visited { background-color: #ceeaff;}`

**Câu 14.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để khắc phục lỗi bố cục khi chiều cao của hai phần tử <div> không bằng nhau, thuộc tính CSS nào cần sử dụng?

- A. float. B. margin. C. clear. D. overflow.

**Câu 15.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để định kiểu cho các hộp văn bản trong biểu mẫu với kích thước tổng cộng là 300 pixels, bạn cần sử dụng thuộc tính nào để tính gộp vùng đệm và đường biên vào tổng chiều rộng?

- A. box-sizing. B. margin. C. padding. D. border.

**Câu 16.** Khi định dạng trang web bằng CSS, để làm nổi bật hộp văn bản đang được chọn bằng cách đặt đường viền xung quanh của hộp văn bản dày 2px, nét liên tục, có màu #045bff, cách khai báo nào sau đây chính xác?

- A. `input[type= "text"]: focus {border: 2px solid #045bff;}`
- B. `input[type= "text"]: focus {outline: 2px solid #045bff;}`
- C. `input[type= "text"]: hover {border: 2px solid #045bff;}`
- D. `input[type= "text"]: hover {outline: 2px solid #045bff;}`

**Câu 17.** Nếu bạn muốn định dạng tất cả các thẻ <h1>, <h2>, và <h3> cùng một lúc, bạn nên viết CSS như thế nào?

- A. `h1 h2 h3 {color: red;}`. B. `h1, h2, h3 {color: red;}`.
- C. `h1. h2. h3 {color: red;}`. D. `h1: h2: h3 {color: red;}`.

**Câu 18.** Cho đoạn mã CSS như sau:

```
p{
    color: red;
    font-weight: bold;
}
```

Hãy chọn phát biểu nói đúng ý nghĩa của đoạn mã CSS trên.

- A. Tạo ra vùng chọn theo yếu tố tên phần tử, nội dung bên trong phần tử này có màu đỏ, kiểu chữ in đậm.
- B. Tạo ra vùng chọn theo yếu tố ID của phần tử, nội dung bên trong phần tử này có màu đỏ, kiểu chữ in đậm.
- C. Tạo ra vùng chọn theo yếu tố tên lớp, nội dung bên trong phần tử này có màu đỏ, kiểu chữ in đậm.
- D. Tạo ra vùng chọn theo yếu tố quan hệ của phần tử, nội dung bên trong phần tử này có màu đỏ, kiểu chữ in đậm.

### Câu 19.

Cho đoạn mã CSS như sau:

```
input[type="text"]{width: 300px;color: yellow;}
input[type="text"]:hover{color: red;}
```

Đoạn mã CSS trên định dạng cho hộp văn bản có đặc điểm

A. hộp văn bản có chiều rộng là 300px, văn bản khi nhập có màu đỏ, khi di chuyển ra khỏi hộp văn bản thì văn bản có màu vàng.

B. hộp văn bản có chiều cao là 300px, văn bản khi nhập có màu đỏ, khi di chuyển ra khỏi hộp văn bản thì văn bản có màu vàng.

C. hộp văn bản có chiều rộng là 300px, văn bản khi nhập có màu vàng, khi di chuyển ra khỏi hộp văn bản thì văn bản có màu đỏ.

D. hộp văn bản có chiều cao là 300px, văn bản khi nhập có màu vàng, khi di chuyển ra khỏi hộp văn bản thì văn bản có màu đỏ.

**Câu 20.** Cho đoạn mã CSS như sau:

```
button[type="submit"]{background-color: red;}
button[type="submit"]:hover{background-color: blue;}
```

Hỏi đoạn mã CSS trên định dạng cho nút bấm dạng submit như thế nào?

A. Khi bình thường màu nền là màu đỏ, khi đưa con trỏ chuột vào thì màu nền là màu xanh dương.

B. Khi bình thường màu nền là màu xanh dương, khi đưa con trỏ chuột vào thì màu nền là màu đỏ.

C. Khi bình thường màu chữ là màu đỏ, khi đưa con trỏ chuột vào thì màu chữ là màu xanh dương.

D. Khi bình thường màu chữ là màu xanh dương, khi đưa con trỏ chuột vào thì màu chữ là màu đỏ.

**Câu 21:** Các mẫu định dạng CSS được đặt trong cặp thẻ nào của tệp HTML?

A. <title></title>. B. <style></style>. C. <body></body>. D. <meta></meta>.

**Câu 22:** Vùng mô tả (declaration block) của một mẫu định dạng CSS có dạng như thế nào?

A. {thuộc tính=giá trị;} B. {thuộc tính: giá trị;}.

C. {thuộc tính: giá trị;} D. {thuộc tính-giá trị;}.

**Câu 23:** Mẫu CSS căn lề giữa cho tất cả các thẻ h1 là

A. h1 {text-indent: center;} B. h1 {text-align: center;}.

C. h1 {text-align: center;} D. h1 {text-align: center;}.

**Câu 24:** Kí hiệu nào cho biết một mẫu định dạng cùng với thuộc tính tương ứng sẽ được ưu tiên cao nhất mà không phụ thuộc vào vị trí của mẫu trong CSS?

A. \*. B. important!. C. !important. D. important.

**Câu 25:** Mẫu định dạng p {line-align: justify} nghĩa là gì?

A. Thiết lập khoảng cách đều nhau giữa các dòng văn bản.

B. Đưa đoạn văn bản ra giữa trang.

C. Căn lề đều hai bên cho đoạn văn bản.

D. Thiết lập tính chất trang trí dòng văn bản.

**Câu 26:** Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Nếu có nhiều mẫu định dạng được viết cho cùng một bộ chọn thì mẫu viết sau cùng sẽ được áp dụng.

B. Thuộc tính text-decoration không có tính kế thừa.

C. Nếu một mẫu CSS áp dụng cho một phần tử HTML bất kì thì nó sẽ được tự động áp dụng cho tất cả các phần tử là con, cháu của phần tử đó trong mô hình cây HTML (trừ các trường hợp ngoại lệ, ví dụ các phần tử với mẫu định dạng riêng).

D. Mức độ ưu tiên của \* là cao nhất.



- B. Nếu không tìm thấy mẫu định dạng tương ứng thì sẽ lấy thông số định dạng CSS kế thừa từ phần tử cha.
- C. Bộ chọn `::selection` mô tả phần được chọn (bằng cách kéo thả chuột trên màn hình) của đối tượng.
- D. Nếu có nhiều mẫu định dạng với cùng trọng số thì định dạng ở vị trí đầu tiên sẽ được áp dụng.

**Câu 42:** Em hãy sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp các mức độ ưu tiên khi áp dụng CSS sau:

1. Trọng số CSS.
  2. Mặc định theo trình duyệt.
  3. CSS liên quan đến kích thước thiết bị.
  4. Kế thừa từ CSS cha.
- A. 3, 1, 4, 2.            B. 2, 3, 4, 1.            C. 1, 4, 2, 3.            D. 3, 2, 1, 4.

**Câu 43:** Giá trị trọng số của bộ chọn `::selection` là bao nhiêu?

- A. 0.                        B. 1.                        C. 10.                      D. 100.

**Câu 44:** Mẫu CSS định dạng các liên kết sau khi kích hoạt chuyển màu xanh dương là

- A. `a:link {color: blue;}`.                        B. `a:visited {color: blue;}`.  
 C. `a:hover {color: blue;}`.                      D. `a:clicked {color: blue;}`.

**Từ câu 45 áp dụng cho nội dung xây dựng trang web bằng Google Sites.**

**Câu 45:** Mỗi trang web đầy đủ nhất bao gồm mấy phần chính?

- A. 2.                        B. 3.                        C. 4.                        D. 5.

**Câu 46:** Phần chân trang của một website có thể chứa nội dung nào sau đây?

- A. Nội dung website.                            B. Thanh điều hướng.  
 C. Thông tin về bản quyền của website.    D. Thông tin mới cập nhật của website.

**Câu 47:** Biểu tượng đại diện cho tất cả các trang web trong một website và hiển thị trước địa chỉ trang web trên tab của trình duyệt được gọi là gì?

- A. Favicon.                B. Weblogo.                C. Favlogo.                D. Webicon.

**Câu 48:** Phần mềm hỗ trợ làm trang web của Google là

- A. Google Travel.    B. Google Drive.    C. Google Sites.    D. Google Jamboard.

**Câu 49:** Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Mỗi trang web phải bắt nguồn từ một nhu cầu cụ thể.  
 B. Thân trang là phần chứa nội dung của trang web, thường được bố cục thành các khối hình chữ nhật, mỗi khối trình bày một nội dung với tiêu đề riêng.  
 C. Phần đầu trang bao gồm những liên kết tới các trang mạng xã hội liên quan.  
 D. Việc xây dựng trang web cần bắt đầu với việc phân tích, xác lập định hướng về mục đích của trang web và đối tượng người dùng.

**Câu 50:** Khi xây dựng trang web, em cần làm gì để định hình ý tưởng?

- A. Xây dựng kiến trúc nội dung, thiết kế mỹ thuật, chọn bảng màu, phông chữ, ...  
 B. Làm logo, favicon, ảnh nền và đặt tên trang web.  
 C. Lựa chọn phần mềm để xây dựng trang web.  
 D. Xác định mục đích và đối tượng phục vụ của trang web.

**Câu 51:** Em nên chọn các phông chữ loại nào cho các bảng chọn trên thanh điều hướng?

- A. Monospace.    B. Serif.                      C. Fantasy.                      D. Sans Serif.

**Câu 52:** Phần đầu trang có thể chứa thông tin nào sau đây?

- A. Thông tin liên hệ.                            B. Tiêu đề trang web.  
 C. Nội dung trang web.                        D. Những thông tin cần nhấn mạnh thêm.

**Câu 53:** Phần đầu trang không có kích thước tùy chọn nào sau đây?

- A. Chỉ tiêu đề.                      B. Bìa.                        C. Biểu ngữ nhỏ.                      D. Biểu ngữ lớn.

**Câu 54:** Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Logo có thể có dạng hình chữ nhật, favicon dạng hình vuông với kích thước  $16 \times 16, 32 \times 32, 48 \times 48$  px.
- B. Có thể chọn ảnh nền trang web từ ảnh trong Google Drive, Google Photos hay ảnh trên Internet.
- C. Các kích thước tùy chọn của phần đầu trang chỉ khác nhau về chiều rộng.
- D. Khi thiết lập ảnh nền cho trang web, độ sáng của ảnh được tự động điều chỉnh để vẫn đọc được phần chữ trên nền.

**Câu 55:** Biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Điều chỉnh phần ẩn tượng nhất của ảnh hiển thị trọn vẹn trong đầu trang.
- B. Huỷ bỏ chế độ tự động điều chỉnh độ sáng của ảnh được chọn làm ảnh nền.
- C. Thêm bộ lọc cho ảnh nền.
- D. Điều chỉnh độ sáng của ảnh nền.

**Câu 56:** Google Sites sẽ tự động lưu trang web đang tạo vào đâu?

- A. Google Drive.
- B. Files.
- C. Máy tính.
- D. Gmail.

**Câu 57:** Biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Điều chỉnh chất lượng của ảnh nền.
- B. Chỉnh màu cho ảnh nền.
- C. Điều chỉnh phần ẩn tượng nhất của ảnh hiển thị trọn vẹn trong đầu trang.
- D. Huỷ bỏ chế độ tự động điều chỉnh độ sáng của ảnh được chọn làm ảnh nền.

**Câu 58:** Tại giao diện thiết lập phần đầu trang, em nhập tên tệp lưu trữ trang web ở đâu?


- A. Dòng **Nhập tên trang web**.
- B. Dòng **Loại tiêu đề**.
- C. Dòng **Trang web không có tiêu đề**.
- D. Dòng **Tiêu đề trang**.


**Câu 59:** Phần chân trang của một website có thể chứa nội dung nào sau đây?

- A. Bảng chọn các chức năng.
- B. Thông tin tóm tắt của trang.
- C. Những liên kết tới các trang mạng xã hội liên quan.
- D. Nội dung website.


**Câu 60:** Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Google Sites cho phép thực hiện tạo phần thân trang theo kiến trúc khối với các mẫu được hỗ trợ sẵn.
- B. Sau khi thiết lập cấu trúc nội dung cho phần thân trang web, nháy chuột vào biểu

tượng  để thêm ảnh vào trang web.

- C. Có thể thay đổi kích thước của bản đồ bằng cách chọn bản đồ rồi kéo thả chuột tại các nút trên khung để được kích thước mong muốn.
- D. Sử dụng biểu tượng  để thêm bản đồ vào trang web.

**Câu 61:** Để chèn các dữ liệu nhúng từ các ứng dụng Internet khác, em nháy chuột chọn biểu tượng nào?

- A. .
- B. .
- C. .
- D. .





**Câu 62:** Nếu muốn nhúng Google Maps vào trang web, em có thể thực hiện như thế nào?

- A. Chọn **Bản đồ** ở nhóm thứ nhất của bảng chọn **Chèn**.
- B. Chọn **Biểu đồ** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.
- C. Chọn **Tài liệu** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.
- D. Chọn **Bản đồ** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.

**Câu 63:** Để tạo trang con, em sử dụng bảng chọn nào?

- A. Bảng chọn **Chèn**.
- B. Bảng chọn **Giao diện**.
- C. Bảng chọn **Trang**.
- D. Bảng chọn **Cấu trúc**.

**Câu 64:** Nếu người dùng truy cập bằng điện thoại hay máy tính bảng thì bảng chọn trên thanh điều hướng sẽ được hiển thị như thế nào?

- A. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên trái, ngay sau logo của trang.
- B. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên phải, ngay trước logo của trang.
- C. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên trái, ngay trước logo của trang.
- D. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên phải, ngay sau logo của trang.





**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Giải pháp hữu hiệu để có thể trình bày đầy đủ văn bản mà không làm hỏng sự cân đối trong trình bày của trang web là tạo ra các trang độc lập và sử dụng các liên kết đến chúng từ phần giới thiệu ở trang chủ.
- B. Các trang web được mở từ bảng chọn của trang chủ được gọi là trang con của trang chủ.
- C. Có thể đưa vào các cụm từ mang liên kết đến các trang khác, làm thành một bảng chọn trên thanh điều hướng.
- D. Các trang con của trang chủ không thể có các trang con của mình.

**Câu 66:** Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Muốn truy cập một trang con thì nháy chuột vào tên trang đó ở bảng chọn được mở ra từ **Trang chủ**.
- B. Google Sites tự động điều chỉnh giao diện trang web khi người dùng truy cập bằng điện thoại hay máy tính bảng.
- C. Sau khi được khởi tạo, các trang con đã có sẵn nội dung giống như trang chủ.
- D. Phần đầu của các trang con được tạo tự động với hình nền của trang chủ và tiêu đề tương ứng với tên trang con.


**Câu 67:** Để tạo trang con, em thực hiện như thế nào?

- A. Chọn bảng chọn **Trang** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thuộc tính** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.
- B. Chọn bảng chọn **Trang** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.
- C. Chọn bảng chọn **Giao diện** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.
- D. Chọn bảng chọn **Chèn** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.

**Câu 68:** Em sử dụng bảng chọn nào để nhúng biểu mẫu đã tạo vào cuối trang chủ?

- A. Bảng chọn **Trang**.
- B. Bảng chọn **Tiện ích**.
- C. Bảng chọn **Giao diện**.
- D. Bảng chọn **Chèn**.

**Câu 69:** Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Việc tạo biểu mẫu trên trang web để lấy ý kiến phản hồi của người dùng về bản chất là tạo biểu mẫu bằng ứng dụng Forms của Google rồi nhúng vào trang web được thiết kế bằng Google Sites.
- B. Để tạo biểu mẫu mới, em nháy chuột vào biểu tượng .
- C. Để nhập tiêu đề cho biểu mẫu, em nháy chuột vào **Mô tả biểu mẫu**.
- D. Google Forms cung cấp một số kiểu biểu mẫu được tạo sẵn như: Thông tin liên hệ, Trả lời sự kiện, Lời mời dự tiệc,...

**Câu 70:** Dữ liệu thống kê phản hồi của người dùng sau khi trang web được xuất bản được tập hợp vào ứng dụng nào của Google?

- A. Google Sheets.
- B. Google Docs.
- C. Google Drive.
- D. Google Keep.